

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ DỊCH VỤ LẠC VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ DỊCH VỤ LẠC VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAC VIET MEDIA AND SERVICES JOINT STOCK COMPNAY

Tên công ty viết tắt: LAC VIET MEDIA

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109994180

**3. Ngày thành lập:** 12/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3, ngõ 62 phố Ngọc Hà, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977028202

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                 | 4610     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                      | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                    | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ bán buôn dược phẩm)                                                                      | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày           | 4659     |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 12. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                      | 8531     |
| 13. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                   | 8532     |
| 14. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                    | 8533     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                       | 8551        |
| 16. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                         | 8552        |
| 17. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                | 8559        |
| 18. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                             | 8560        |
| 19. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                          | 9000        |
| 20. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                       | 9321        |
| 21. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>(không bao gồm hoạt động quán bar, vũ trường, karaoke)                                                                                                                                   | 9329        |
| 22. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                        | 9521        |
| 23. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                 | 9522        |
| 24. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                      | 9620        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ                                                                                                                                                                                                                    | 9633        |
| 26. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                  | 6311        |
| 27. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                           | 6312        |
| 28. | Quảng cáo<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                | 7310(Chính) |
| 29. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                            | 7320        |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Dịch vụ thiết kế đồ thị<br>Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác | 7410        |
| 31. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                 | 7420        |
| 32. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |
| 33. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                   | 4690        |
| 34. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                   | 4721        |
| 35. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                    | 4722        |
| 36. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                      | 4723        |
| 37. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                      | 1410        |
| 38. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                | 1430        |
| 39. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                      | 1512        |
| 40. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                  | 1520        |
| 41. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                              | 2023        |
| 42. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                      | 4774        |
| 43. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                            | 4782        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                          | 4789 |
| 45. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 46. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 47. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                | 5229 |
| 48. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                 | 5510 |
| 49. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                  | 5621 |
| 50. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                   | 5630 |
| 51. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(trừ sản xuất phim, chương trình truyền hình bị Nhà nước cấm)                                                                                                                 | 5911 |
| 52. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                          | 5912 |
| 53. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(trừ phát hành phim, chương trình truyền hình bị Nhà nước cấm)                                                                                                               | 5913 |
| 54. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                 | 7729 |
| 55. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                 | 7810 |
| 56. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                                                             | 7830 |
| 57. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                            | 7911 |
| 58. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành: Lữ hành nội địa; Lữ hành quốc tế<br>- Kinh doanh đại lý lữ hành                                                                                                                       | 7912 |
| 59. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                       | 7990 |
| 60. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                    | 4741 |
| 61. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4742 |

|     |                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 62. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4751 |
| 63. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4753 |
| 64. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4759 |
| 65. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4771 |
| 66. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ THỊ NGỌC | Số 3, ngõ 62 phố Ngọc Hà, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 48.000     | 480.000.000           | 24,000    | 0221850072<br>61                                                                            |         |
|     |             |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                    | Tổng số                   | 48.000     | 480.000.000           | 24,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                               |                           |         |               |        |                  |  |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 2 | MAI VĂN ĐẠI      | Số 3, ngõ 62 phố Ngọc Hà, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông         | 104.000 | 1.040.000.000 | 52,000 | 0360850069<br>81 |  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               | Tổng số                   | 104.000 | 1.040.000.000 | 52,000 |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               |                           |         |               |        |                  |  |
| 3 | PHẠM THANH LƯƠNG | Số nhà 77, ngách 158/1, ngõ 158 Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 48.000  | 480.000.000   | 24,000 | 0010860234<br>86 |  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               | Tổng số                   | 48.000  | 480.000.000   | 24,000 |                  |  |
|   |                  |                                                                                                               |                           |         |               |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI VĂN ĐẠI                                  Giới tính: Nam  
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc  
Sinh ngày: 02/07/1985                      Dân tộc: Kinh                      Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036085006981  
Ngày cấp: 13/12/2021                      Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH  
Địa chỉ thường trú: Số 3, ngõ 56/87/14/15 Thạch Cầu, Tổ 1, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Địa chỉ liên lạc: Số 3, ngõ 62 phố Ngọc Hà , Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội